

Cơ chế kiểm soát quyền lập pháp ở nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam

Lê Văn Cẩm^{1*}, Dương Bá Thành²

¹*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Viện Chính trị học thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh*

Nhận ngày 30 tháng 3 năm 2009

Tóm tắt. Trong giai đoạn xây dựng một Nhà nước pháp quyền (NNPQ) đích thực của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam hiện nay, việc làm sáng tỏ về mặt lý luận thực trạng của cơ chế kiểm soát quyền lực (KSQL) lập pháp ở nước ta, đồng thời đưa ra giải pháp để hoàn thiện cơ chế này với mô hình lý luận (MHLL) của các kiến giải lập pháp (KGLP) cụ thể sẽ có ý nghĩa xã hội-pháp lý và ý nghĩa khoa học-thực tiễn rất quan trọng. Tuy nhiên, cho đến nay trong khoa học pháp lý (KHPL) Việt Nam vẫn chưa có nghiên cứu chuyên khảo nào đề cập riêng về chủ đề này. Điều đó không chỉ cho phép khẳng định tính cấp bách của vấn đề nghiên cứu mà còn là lý do luận chứng cho chủ đề được đề cập trong bài báo khoa học này của chúng tôi.

1. Thực trạng của cơ chế kiểm soát quyền lực lập pháp ở nước ta hiện nay

1.1. Những ý kiến của giới luật gia về thực trạng của cơ chế KSQL lập pháp ở nước ta hiện nay

Hầu như đã được giới KHPL Việt Nam đương đại đưa ra có tính chất phê phán hết sức *thẳng thắn, trung thực* và với tinh thần xây dựng, yêu quý Tổ quốc và nhân dân mình mà có lẽ khi đọc thấy những ý kiến dưới đây của họ, thì bất kỳ nhà luật học nào còn có lương tâm-biết vì nhân dân và mong muốn cho thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp xây dựng một NNPQ đích thực trên Tổ quốc Việt Nam đều không thể không đau lòng và buộc phải suy ngẫm để cùng nhau tìm ra giải pháp khắc phục sao cho bảo đảm đúng tinh

thần chỉ đạo của Đại hội X của Đảng về sự cần thiết cấp bách phải xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp là: “*Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động và quyết định của cơ quan công quyền*”, “*Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp*” [1]. Chẳng hạn, những ý kiến đó là:

1.1.1. Nhà khoa học-luật gia hàng đầu của nước ta, nguyên Viện trưởng Viện Nhà nước & pháp luật thuộc Viện KHXH Việt Nam suốt hai thập kỷ (1988-2008), nguyên Phó Chủ tịch thường trực kiêm Tổng thư ký Hội Luật gia Việt Nam khóa X (2004-2009), Chủ tịch Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN, GS.TSKH Đào Trí Úc khẳng định là “*chúng ta cũng chưa có một cơ chế nào để giám sát chính hoạt động của Quốc hội và giám sát tính hợp hiến của các đạo luật, nghị quyết do Quốc hội ban hành*”. Nhiều thiết chế quan trọng

*ĐT: 84-4-37547512.

E-mail: tskhlecam@yahoo.com

trong việc giám sát và bảo vệ Hiến như thẩm quyền hủy bỏ, đình chỉ văn bản trái Hiến pháp trong thực tiễn hầu như không được áp dụng, nhất là trong hoạt động của các cơ quan cao cấp của Nhà nước” [2];

1.1.2. Chuyên gia cao cấp của Viện Nghiên cứu lập pháp thuộc Văn phòng Quốc hội, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội khóa XI (2002-2007), GS.TS Trần Ngọc Đường viết: “Nhưng bản thân Quốc hội lại chưa có ai giám sát để bảo đảm cho Quốc hội hoạt động hợp hiến, làm đúng, làm đủ các quy định của Hiến pháp” [3];

1.1.3. Một trong vài nhà khoa học Luật Hiến pháp hàng đầu của Việt Nam, Trưởng Bộ môn Luật Hiến pháp-Luật Hành chính của Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN, GS.TS Nguyễn Đăng Dung khi phê phán tính thiếu khách quan của cái gọi là “quyền giám sát tối cao” và cơ chế “tự mình kiểm tra mình” viết: “Quốc hội có quyền giám sát tối cao có nghĩa là không có một cơ quan nào có thể đứng trên Quốc hội để tài phán về tính hợp hiến trong hành vi của Quốc hội mà Quốc hội tự mình kiểm tra tính hợp hiến trong hành vi của mình” và cho rằng: đó là “xuất phát từ khiếm khuyết trong cơ chế tổ chức và phân công quyền lực nhà nước ở nước ta, từ sự yếu kém của cơ chế bảo hiến hiện có” [4];

1.1.4. Nhà khoa học Luật Hiến pháp có tên tuổi của Việt Nam, Trưởng Ban dân chủ & pháp luật của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, PGS.TS Bùi Xuân Đức khi chỉ ra thực trạng KSQL lập pháp hiện nay là “việc giám sát bản thân Quốc hội còn bị bỏ ngỏ” đã đề nghị: 1) “toàn bộ hoạt động của Quốc hội, mà trước hết là hoạt động lập pháp - từ trước đến nay tuy có nguy cơ vi hiến rất cao - nhưng chưa được xếp vào đối tượng giám sát của cơ quan nào mà đang để cho Quốc hội tự giám sát - cũng phải là đối tượng của giám sát”; 2) “một điều rất hiển nhiên là đã đến lúc phải xem xét lại vị trí tính chất cơ quan quyền lực cao nhất của Quốc hội và quyền giám sát tối cao của Quốc hội” vì “Chừng nào chúng ta vẫn còn cho Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện tất cả các quyền lập hiến, lập pháp, hành pháp, tư pháp,

giám sát và quyền nào cũng là cao nhất hay tối cao thì chưa thể nói tới giám sát Hiến pháp đúng nghĩa” [5];

1.1.5. Một trong vài nhà khoa học Luật Hiến pháp hàng đầu của Việt Nam, Chủ nhiệm Khoa Nhà nước-hành chính của Trường Đại học Luật Hà Nội (Bộ Tư pháp), PGS.TS Thái Vĩnh Thắng chỉ ra và phân tích cụ thể một loạt các khiếm khuyết ở Việt Nam hiện nay như: 1) “Thủ tục hoạt động của Quốc hội không phù hợp với Hiến pháp”; 2) “Thẩm quyền thực tế của Quốc hội chưa phù hợp với Hiến pháp”; 3) “Một số quy định của Hiến pháp chưa được thực thi trên thực tế”; 4) “Một số quy định của Hiến pháp chưa rõ ràng nhưng không được giải thích”; 5) “Một số quyền hiến định của công dân không có điều kiện đảm bảo thực hiện” [6];

1.1.6. Nhà lý luận lớn về nhà nước và pháp luật, nguyên Viện trưởng Viện khoa học tổ chức thuộc Ban Tổ chức TW Đảng, PGS.TS Lê Minh Thông cho rằng: “hoạt động lập pháp (tức là hoạt động ban hành các đạo luật của Quốc hội) lại không là đối tượng chịu sự giám sát của Quốc hội và dường như nằm ngoài sự giám sát từ phương diện nhà nước” [7]; và ngoài ra, cũng còn rất nhiều các nhận xét của các nhà khoa học luật gia khác nữa, v.v...

1.2. Nhận xét chung về thực trạng của cơ chế KSQL lập pháp ở Việt Nam

Nguyên nhân cơ bản và sâu xa nhất gây nên thực trạng này nằm ở đâu (?). Đó đó chính là do trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam vẫn còn có những “lỗ hổng” rất lớn trong cơ chế KSQL lập pháp bằng chính hệ thống (bộ máy) quyền lực, vì thực chất là cho đến nay vẫn chưa hề có một điều khoản nào quy định ai là chủ thể nhà nước có thẩm quyền giám sát tính hợp hiến của các văn bản pháp luật (VBPL) do Quốc hội ban hành (đúng như PGS.TS Lê Minh Thông đã chỉ ra trên đây cho tất cả các nhà luật học, Tổ quốc và nhân dân ta được biết). Tại sao lại có thể có một thực trạng như vậy mà lại tồn tại suốt được hàng chục năm qua (?). Thiết tưởng, đây chính là điều mà tất cả

những nhà luật học Việt Nam chân chính đều phải có trách nhiệm cùng nhau suy ngẫm và tìm cho được câu trả lời. Thật vậy, từ những ý kiến nêu trên của các nhà khoa học-luật gia hàng đầu và có tên tuổi trong đất nước, nghiên cứu các quy phạm hiến định có liên quan đến quyền lập pháp (QLP) trong tất cả bốn Hiến pháp đã được ban hành từ trước đến nay, cũng như Luật “Về hoạt động giám sát của Quốc hội” năm 2003, đồng thời trên cơ sở phân tích thực tiễn hoạt động của 12 khóa Quốc hội nước ta trong 65 năm qua (kể từ Quốc hội khóa I được nhân dân bầu ra sau thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng 8/1945 với sự ra đời của của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), cho phép đưa ra nhận xét chung về thực trạng KSQL lập pháp ở Việt Nam hiện nay trên ba (03) bình diện sau:

1.2.1. Về mặt lập pháp, trong hệ thống các VBPL đã và đang hiện hành ở Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay (kể cả bốn bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980 và 1992 với tư cách là các đạo luật cơ bản của nhà nước và có hiệu lực pháp lý cao nhất) vẫn chưa có bất kỳ một quy phạm pháp luật (QPPL) nào được ghi nhận với tư cách là căn cứ pháp lý cho cơ chế KSQL lập pháp bằng quyền lực công ở nước ta; mặt khác, theo Hiến pháp năm 1992 hiện hành thì “Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước” (khoản 4 Điều 83). Và ở đây chính là nghịch lý hiển nhiên nhất, vì một khi Quốc hội đã tự cho mình là “tối cao” (cao nhất) rồi, thì dù Quốc hội có ban hành đạo luật nào đó vi phạm Hiến pháp (mặc cho đạo luật đó có xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân với tư cách là những giá trị cao quý nhất được thừa nhận chung trong NNQP đích thực đi chăng nữa), thì cũng không bất kỳ cơ quan nào trong bộ máy quyền lực nhà nước ta có quyền phán xét sự vi hiến đó.

1.2.2. Về mặt thực tiễn, do quy phạm hiến định nêu trên nên thực chất là trong hoạt động của tất cả bộ máy quyền lực nhà nước (nói chung) và của nhánh QLP (nói riêng) ở Việt Nam từ trước đến nay vẫn chưa bao giờ tồn tại cơ chế KSQL lập pháp bằng quyền lực công - khi

QLP phải bị kiểm tra bởi một cơ quan chuyên trách thuộc nhánh quyền lực khác nào đó *trong chính nội bộ của hệ thống quyền lực nhà nước* vì căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 83 Hiến pháp năm 1992 đã nêu trên đây và các quy định của Luật “Về hoạt động giám sát của Quốc hội” thì cơ quan lập pháp thuộc nhánh QLP ở Việt Nam bên cạnh việc giám sát hoạt động của hai nhánh quyền lực nhà nước kia (quyền hành pháp-QHP và quyền tư pháp-QTP) cũng đồng thời *tự mình thực hiện việc giám sát luôn cả hoạt động của chính bản thân mình* - tức là vô hình chung tạo nên một cơ chế lạ kỳ và vô cùng bất cập là *không hề có hoạt động KSQL lập pháp ở nước ta trong chính hệ nội bộ của hệ thống quyền lực nhà nước*. Thực trạng đầu lòng này chính là câu trả lời xác đáng mà PGS.TS Lê Minh Thông đã thẳng thắn đặt vấn đề như sau khi liệt kê các đối tượng chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chính phủ, TANDTC và VKSNDTC): “Vậy, ai sẽ giám sát hoạt động lập pháp của Quốc hội? Câu hỏi này đã được đặt ra và hiện còn đang bỏ ngõ trong thực tiễn pháp lý nước ta” và cuối cùng, PGS.TS Lê Minh Thông đưa ra kết luận (đồng thời là sự trả lời hoàn toàn khách quan và có căn cứ, bảo đảm sức thuyết phục và rất khoa học (mà có lẽ cũng chính là nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam) là: “Dù thế nào đi chăng nữa, thì sự phân công phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp cần kèm theo cơ chế giám sát lẫn nhau để đạt được mục tiêu của quá trình thực hiện quyền lực trong một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân” [8].

1.2.3. Và cuối cùng, về mặt lý luận, dưới góc độ KHPL (bao gồm cả lý luận về NNQP) một khi đã không có cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) và cơ chế KSQL lập pháp (nói riêng), có nghĩa là khi QLP không được kiểm soát bởi cơ quan chuyên trách thuộc nhánh quyền lực khác, tự mình kiểm soát hoạt động của chính bản thân mình, thì rõ ràng là hoàn toàn không phù hợp với những đòi hỏi (yêu cầu) của một NNQP đích thực vì quan điểm được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại và cũng là của tất cả các luật

gia tiên bộ trên thế giới - NNPQ phải là nhà nước mà trong đó *quyền lực và chính trị phải bị kiểm soát bởi pháp luật* (đúng cách diễn đạt của nhà triết học Đức nổi tiếng I.Kant); bởi lẽ, trong NNPQ không thể có tình trạng một cơ quan quyền lực nhà nước nào đó “vừa đá bóng-vừa thổi còi” vì một khi đã là NNPQ đích thực (chứ không phải là “NNPQ” được tuyên ngôn trên giấy của các chính trị gia cầm quyền) thì điều kiện đầu tiên và tiên quyết là *không thể có bất kỳ một cơ quan-tổ chức-nhóm người hoặc cá nhân người có chức vụ nào có thể đứng trên-đứng ngoài pháp luật hay được phép tự cho mình có “quyền lực cao nhất”, “quyền giám sát tối cao” hoặc tự quy định cho mình bất kỳ thẩm quyền nào.*

2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực lập pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay

2.1. Đặt vấn đề

Từ việc phân tích một số vấn đề lý luận cơ bản về cơ chế KSQL nhà nước (nói chung), cũng như khái niệm-chức năng và vai trò của cơ chế kiểm soát QLP trong NNPQ được đề cập trong bài viết mới đây của chúng tôi (Xem cụ thể hơn về bài này trong Tạp chí “*Nghiên cứu lập pháp*”, số 1-tháng 1/2010, tr.8-14 và 31), đồng thời trên cơ sở phân tích thực trạng KSQL lập pháp bằng bộ máy công quyền ở Việt Nam hiện nay trong bài viết này cho thấy: việc nghiên cứu để hoàn thiện cơ chế KSQL lập pháp ở nước ta có ý nghĩa lập pháp-thực tiễn và lý luận rất quan trọng như sau:

2.1.1. Về mặt *lập pháp*, cho đến hôm nay mặc dù đã hơn 20 năm rồi qua (kể từ khi công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam do Đảng ta khởi xướng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1986), nhưng rất đáng tiếc là trong hệ thống pháp luật hiện hành của đất nước vẫn chưa có bất kỳ một VBPL nào chính thức ghi nhận về mặt pháp lý *cơ chế kiểm soát QLP bằng bộ máy công quyền* vì thực tế Hiến pháp Việt Nam năm 1992 hiện hành của nước ta cũng chỉ mới đề cập

đến *cơ chế kiểm soát QHP và QTP bằng QLP* (như khoản 4 Điều 83 đã phân tích trên đây), đồng thời trao cho nhánh QLP (Quốc hội) thẩm quyền “*Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp...*” (khoản 2 Điều 84) + cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội thẩm quyền “*Giải thích Hiến pháp*” và “*Giám sát việc thi hành Hiến pháp*” của (các khoản 3, 5 Điều 91) và, lại vừa trao cho nhánh QHP (Chính phủ) nhiệm vụ “*bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp*” của Chính phủ (đoạn 2 Điều 100);

2.1.2. Về mặt *thực tiễn*, trong khi đó việc thành lập cơ chế KSQL nhà nước bằng cơ chế bảo vệ Hiến pháp không chỉ *đã được chính thức đề cập* trong Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị BCH TW Đảng và sau đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (năm 2006) còn chỉ rõ sự cần thiết phải *xây dựng và hoàn thiện cơ chế KSQL để giám sát, kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền, cũng như xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.* Như vậy, không còn nghi ngờ gì nữa-rõ ràng là hiện nay từ thực tiễn hoạt động của bộ máy quyền lực nhà nước ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã tự nhận thấy rằng: nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta đang đòi hỏi cấp bách phải hoàn thiện cơ chế KSQL nhà nước (*nói chung*) mà trong đó bao gồm cả KSQL lập pháp (*nói riêng*) để bảo vệ Hiến pháp bằng “*cơ chế phán quyết*” về những vi phạm Hiến pháp để sao cho đạo luật cơ bản của Nhà nước được bảo vệ một cách hữu hiệu nhằm loại trừ 1) tình trạng ban hành các VBPL vi hiến, 2) những hành vi được thực hiện trên cơ sở các văn bản đó, 3) cũng như sự xâm phạm thô bạo các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân từ phía quyền lực nhà nước, để góp phần xây dựng thành công NNPQ và triển khai thắng lợi công cuộc CCTP ở nước ta.

2.1.3. Và cuối cùng, về mặt *lý luận*, mặc dù việc hoàn thiện cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) và kiểm soát QLP (nói riêng) có vai trò quan trọng như vậy, và cho đến nay trong chuyên ngành khoa học về chính trị học và luật

học của Việt Nam mặc dù đã có một số nghiên cứu về vấn đề này, nhưng rõ ràng là đến nay vẫn vắng bóng các nghiên cứu chuyên khảo đề cập riêng đến việc phân tích một cách có hệ thống và toàn diện cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) và QLP (nói riêng) bằng “*phán quyết*” (tức là bằng sự kiểm tra của Tòa án) về những vi phạm Hiến pháp của tất cả các cơ quan trong bộ máy công quyền thuộc cả ba nhánh quyền lực nhà nước với việc *đưa ra giải pháp để hoàn thiện với tư cách là một MHLL về các KGLP dưới dạng từng điều luật cụ thể* của một đạo luật cho việc tổ chức thực thi cơ chế KSQL nhà nước (kể cả KSQL lập pháp) ở Việt Nam.

2.2. Sự phân loại và một số đặc điểm cơ bản của hoạt động KSQL nhà nước (bao gồm cả KSQL lập pháp) bằng chế định bảo vệ Hiến pháp trong NNPQ

Trên cơ sở nghiên cứu so sánh các cơ chế KSQL nhà nước (gồm cả KSQL lập pháp) bằng cơ chế bảo hiến của một số quốc gia trên thế giới hiện nay [9], chúng ta có thể chia các cơ chế bảo hiến thành *hai* (02) hình thức chủ yếu dưới đây.

2.2.1. Hình thức bảo hiến thứ nhất - hoạt động KSQL nhà nước được thực hiện bằng cơ chế *giám sát* Hiến pháp với các đặc điểm cơ bản là: 1) Thông thường được thực hiện bằng nhánh QLP (nói chung) hoặc đôi khi bằng nhánh QHP (Ví dụ: ở nước CH Kazakxtan khi Pháp lệnh về Hội đồng bảo hiến do Tổng thống ban hành và các cựu Tổng thống đương nhiên là thành viên suốt đời của Hội đồng này); 2) Khi VBPL vi hiến thì cơ quan chuyên trách được giao thẩm quyền giám sát Hiến pháp chỉ *tạm đình chỉ hiệu lực thi hành của VBPL* ấy, chứ VBPL bị bãi bỏ theo quyết định tương ứng của cơ quan giám sát Hiến pháp (Ví dụ: Đó là Viện bảo Hiến ở nước Cộng hòa Rumani); 3) Về cơ bản, các công dân không có quyền khiếu kiện lên cơ quan giám sát Hiến pháp để đề nghị xem xét vụ việc vi phạm các quyền tự do hiến định của họ (Ví dụ: ở nước CH Êxtônia); 4) Chính vì vậy, hiệu quả bảo vệ Hiến pháp, cũng như bảo vệ các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân không

có (nói một cách khác là chỉ mang tính hình thức) và do đó; 5) *Không tạo được nền tảng pháp lý vững chắc* cho sự cân bằng nhất định trong bộ máy quyền lực giữa các cơ quan công quyền thuộc cả ba nhánh quyền lực (QLP, QHP và QTP) vì không có cơ chế “kiểm tra và chế ước nhau” của ba nhánh quyền lực đã nêu.

2.2.2. Hình thức bảo hiến thứ hai - hoạt động KSQL nhà nước được thực hiện bằng cơ chế *kiểm tra* Hiến pháp (KTrHP) bởi nhánh QTP với các đặc điểm cơ bản là: 1) Được thực hiện bằng một cơ quan *tư pháp* (Ví dụ: ở hầu hết các nước trong SNG, Châu Âu, Hoa Kỳ); 2) Khi VBPL bị xem là vi hiến thì Tòa án có quyền tuyên bố là *văn bản đó vô hiệu và bị bãi bỏ* theo quyết định tương ứng của cơ quan kiểm tra Hiến pháp; 3) Bất kỳ công dân có quyền khiếu kiện lên cơ quan KTrHP khi cho rằng, bằng việc áp dụng điều (khoản) trong VBPL nào đó hoặc bằng hành vi được thực hiện trên cơ sở VBPL tương ứng đó các quyền và tự do hiến định của họ đã bị xâm phạm; 4) Chính vì vậy, so với hình thức thứ nhất thì hiệu quả bảo vệ Hiến pháp, cũng như các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân của hình thức thứ hai này cao hơn nhiều và do đó; 5) *Xây dựng được nền tảng pháp lý vững chắc* cho sự cân bằng nhất định trong bộ máy quyền lực giữa các cơ quan công quyền thuộc cả ba nhánh quyền lực (QLP, QHP và QTP) vì có được cơ chế “kiểm tra và chế ước nhau” của ba nhánh quyền lực đã nêu. Và chính hình thức bảo hiến thứ hai này với cơ chế KTrHP, theo quan điểm của chúng tôi là phù hợp hơn cả trong điều kiện xây dựng một NNPQ đích thực của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam đương đại.

2.3. Khái niệm KTrHP bằng Tòa án và các đặc điểm cơ bản của hoạt động này với tư cách là một cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (kể cả QLP)

Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của cơ chế này cho thấy, tư tưởng tiến bộ về chế định KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án) đã có cội nguồn xuất hiện ngay từ thế kỷ

XVII ở Vương quốc Anh khi Hội đồng cơ mật của Hoàng gia đã coi các đạo luật do các cơ quan lập pháp của 13 bang đầu tiên (các thuộc địa) ở Hoa Kỳ là vô hiệu khi các đạo luật này trái với các đạo luật của Nghị viện Anh hoặc thông luật, sang thế kỷ XVIII thì một số các văn bản của chính quốc (Anh) lại bị Tòa án coi là vô hiệu trên lãnh thổ của các bang miền Bắc nước Mỹ, nhưng có lẽ bước ngoặt có tính chất quyết định đối với việc hình thành chế định KTrHP bằng Tòa án chỉ chính thức được ghi nhận vào đầu thế kỷ XIX sau khi Tòa án Tối cao Mỹ thông qua phán quyết coi đạo luật do Quốc hội Mỹ ban hành là trái với Hiến pháp trong vụ kiện nổi tiếng “*Merberi kiện Medison*” vào năm 1803 [10]. Phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ XX trong quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực của nhiều quốc gia và cho đến hôm nay thì cơ chế KTrHP bằng Tòa án đã được thừa nhận chung và thực thi ở hầu hết các quốc gia là các NNPQ trên thế giới. Như vậy, từ đây chúng ta có thể hiểu: *KTrHP bằng Tòa án trong NNPQ với tư cách là một hình thức bảo vệ Hiến pháp-cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh quyền lực tư pháp và là chức năng của cơ quan chuyên môn về tài phán và được thể hiện bằng hoạt động tố tụng về Hiến pháp trong việc kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản do tất cả các cơ quan-một số những người có chức vụ nhất định trong bộ máy công quyền, tổ chức hoặc đơn vị lực lượng vũ trang ban hành, cũng như những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở văn bản vi hiến đã xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân, cũng như các lợi ích của xã hội hoặc/và, đồng thời xem xét và giải quyết những vấn đề khác theo thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định để đưa ra phán xét cuối cùng nhằm bảo đảm tính tối thượng và hiệu quả trực tiếp của các quy phạm Hiến pháp trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của đời sống xã hội.* Căn cứ vào định nghĩa khoa học của khái niệm này, đồng thời xuất phát từ thực tiễn bảo vệ Hiến pháp của đa số các nước văn minh và phát triển cao là các NNPQ đích thực trên thế giới [11] cho phép chỉ ra sáu (06) đặc điểm cơ bản dưới đây của cơ chế KTrHP bằng Tòa án-cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh QTP trong NNPQ.

2.3.1. Thứ nhất, KTrHP bằng Tòa án là một hình thức bảo vệ Hiến pháp và là cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh quyền lực tư pháp vì trong NNPQ ngoài Tòa án ra, cũng vẫn còn có rất nhiều hình thức bảo vệ Hiến pháp với các cơ chế KSQL thuộc hai (02) nhánh quyền khác (QLP và QHP) nữa, chứ không chỉ có riêng Tòa án bảo vệ Hiến pháp, nhưng thực tiễn của các NNPQ trên thế giới đã minh chứng một cách xác đáng-có căn cứ và bảo đảm sức thuyết phục rằng: *KTrHP bằng Tòa án là hình thức bảo vệ Hiến pháp khá thi nhất, đồng thời cũng là cơ chế KSQL nhà nước (bao gồm cả QLP) cao nhất và hữu hiệu hơn cả.*

2.3.2. Thứ hai, KTrHP bằng Tòa án là chức năng riêng biệt chỉ của cơ quan chuyên môn về tài phán, tức là việc kiểm tra này có thể được tổ chức-thực hiện bằng các phương án khác nhau trong hệ thống quyền lực (Ví dụ: giao cho cơ quan xét xử cao nhất của đất nước như TATC hoặc thành lập TAHP độc lập) nhưng dù đi theo phương án nào chăng nữa, thì để cho hoạt động KTrHP đạt hiệu quả thì nhất thiết là nó cần phải gắn với thẩm quyền tố tụng tư pháp (theo đúng nghĩa hẹp của từ “*tư pháp*”) trong NNPQ.

2.3.3. Thứ ba, KTrHP bằng Tòa án được thể hiện bằng khả năng tố tụng về Hiến pháp trong việc kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản do các cơ quan và một số người có chức vụ nhất định trong bộ máy công quyền, tổ chức hoặc đơn vị lực lượng vũ trang ban hành khi văn bản đó có dấu hiệu vi hiến và bị khiếu nại theo đúng quy trình do Hiến pháp và các luật có liên quan quy định.

2.3.4. Thứ tư, KTrHP bằng Tòa án cũng được thể hiện bằng việc xem xét và giải quyết cả những hành vi (hoặc bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở văn bản vi hiến đã xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân.

2.3.5. Thứ năm, KTrHP bằng Tòa án cũng được thể hiện đồng thời bằng việc xem xét và giải quyết những vấn đề khác theo thẩm quyền do Hiến pháp và các luật có liên quan quy định (Ví dụ: đó có là những vấn đề như tính hợp hiến của các Hiệp ước quốc tế của quốc gia sở tại, các kết quả bầu cử-trung cầu dân ý, trình tự phê chuẩn

nguyên thủ quốc gia, thủ tục cách chức những người có chức vụ cao nhất trong Nhà nước hay sự tranh chấp về thẩm quyền của các cơ quan quyền lực Nhà nước ở TW, v.v...).

2.3.6. Và cuối cùng, *thứ sáu*, kết quả của việc KTrHP bằng Tòa án là phải đưa ra được phán xét cuối cùng mang tính pháp lý nhằm bảo đảm tính tối thượng và hiệu quả trực tiếp của các quy phạm Hiến pháp trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của xã hội, mà phán xét cuối cùng đó là bắt buộc đối với tất cả các pháp nhân và thể nhân có liên quan trên lãnh thổ của cả nước (nói một cách khác, kết quả của thủ tục tố tụng về Hiến pháp này phải là chung thẩm).

3. Các phương án để thực hiện giải pháp hoàn thiện cơ chế KSQL nhà nước (gồm cả QLP) bằng nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án)

Trong giai đoạn xây dựng NNPQ và CCTP ở Việt Nam hiện nay khi bàn về việc hoàn thiện cơ chế KSQL nhà nước (gồm cả KSQL lập pháp) nhà làm luật có thể lựa chọn một trong bốn (04) phương án là thành lập: 1) Ủy ban giám sát Hiến pháp của Quốc hội; 2) Hội đồng bảo hiến do Chủ tịch nước đứng đầu; 3) Tòa Hiến pháp với tư cách là Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) hoặc; 4) *Tòa án Hiến pháp* (TAHP) độc lập (chỉ tổ chức ở cấp TW). Vậy thì trong bốn Phương án này thì Phương án nào là khả thi hơn cả (?). Đây chính là câu hỏi cần phải có được lập luận một cách khoa học để có câu trả lời xác đáng, có căn cứ và bảo đảm sức thuyết phục mà chính các nhà luật học của đất nước cần phải đưa ra cho Tổ quốc và nhân dân. Dưới đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét từng Phương án:

3.1. Nếu như tổ chức thực thi chế định KTrHP theo cả ba (03) Phương án đầu tiên (thứ 1, 2 và 3) thì sẽ không bảo đảm tính khách quan vì vô hình chung sẽ tạo nên cơ chế “vừa đá bóng, vừa thổi còi” của mỗi nhánh quyền lực - khi Quốc hội Chủ tịch nước hoặc TANDTC ngoài các chức năng-nhiệm vụ nặng nề đang đảm nhiệm

ra, sẽ tiếp tục thực hiện thêm các chức năng-nhiệm vụ của hoạt động KTrHP đối với VBPL do các cơ quan thuộc hai nhánh quyền lực khác ban hành và, đồng thời đối với cả các VBPL do chính mình ban hành. Đó là chưa bàn đến việc cả ba cấu trúc quyền lực này còn phải dành rất nhiều thời gian để hoàn thành cho thật tốt các chức năng-nhiệm vụ hiến định vô cùng nặng nề và vinh dự tương ứng với vị trí hiện tại của mình trước Tổ quốc và nhân dân nữa. Vậy thì họ có còn đủ thời gian để đảm đương thêm các chức năng-nhiệm vụ của hoạt động KTrHP vô cùng phức tạp, đòi hỏi phải có trình độ nghề nghiệp cao, kiến thức chuyên môn giỏi (được giới luật học của đất nước và bạn bè quốc tế thừa nhận chung) và, đầy trọng trách trước Tổ quốc và nhân dân hay không (?). Chấn chấn 100% là “không thể” còn đủ thời gian để đảm đương thêm được nữa (!).

3.2. Như vậy, rõ ràng là chỉ còn Phương án cuối cùng (thứ 4) là khả thi hơn cả vì lý do xác đáng như sau: Chính lịch sử lập hiến-bảo hiến, cũng như thực tiễn KSQL nhà nước trên thế giới hàng trăm năm qua đã và đang chứng minh đều đó ở các NNPQ đích thực là các nước văn minh và phát triển cao. Ngay hiện nay, chưa tính ở một loạt các nước Châu Âu (như: Áo, Hungari, CHLB Đức, Italia, BaLan, Rumana, Tursia, CH Séc, v.v...) [12], chỉ tính riêng trong số 15 nước CHLB thuộc Liên Xô cũ thì có đến 4/5 (12 nước) thành lập TAHP độc lập và chỉ ở cấp TW [13].

4.3. Tóm lại, nếu như Quốc hội thực hiện đúng Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị và tư tưởng của Đại hội đảng lần thứ X, cũng như đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân mà quyết định chọn Phương án thứ 4 nêu trên này, thì giải pháp khả thi hơn cả là Quốc hội cần phải ban hành Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam” (chỉ tổ chức ở một cấp TW song song bên cạnh TANDTC) mà trong đó cần ghi nhận đầy đủ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của cơ quan tài phán chuyên trách hoạt động tố tụng tư pháp về Hiến pháp để bảo đảm cho việc thực hiện có hiệu quả hoạt động KSQL nhà nước của

nhánh quyền lực tư pháp đối với cả ba nhánh quyền lực nhà nước (nhánh QLP - Quốc hội, nhánh QHP - Chủ tịch nước, Thủ tướng và Chính phủ, nhánh QTP - hệ thống Tòa án chung).

4. Các luận cứ khoa học để tổ chức thực hiện cơ chế KSQL nhà nước (kể cả QLP) bằng nhánh QTP (Tòa án) ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ hiện nay có thể được lý giải bởi các lý do chủ yếu dưới đây

4.1. Đã từ lâu, xung quanh nội dung của cơ chế bảo vệ Hiến pháp đã được các nhà khoa học-luật gia trao đổi, tranh luận sôi nổi trong sách báo pháp lý, cũng như trên nhiều diễn đàn của các Hội thảo khoa học ở nước ta suốt nhiều năm qua (nhất là từ khi Hiến pháp năm 1992 sửa đổi năm 2002 chính thức ghi nhận về mặt hiến định tư tưởng NNPQ ở Việt Nam) và tại Hội thảo khoa học với chủ đề “Cơ chế bảo hiến ở Việt Nam” do Ban Công tác lập pháp của UBTV Quốc hội tổ chức ở tỉnh Nghệ An (TP. Vinh, tháng 5/2005) khi tổng thuật các ý kiến được phát biểu tại buổi Hội thảo khoa học này, tác giả Hồng Chanh đã viết: “Đa số các ý đều nhận xét rằng, việc bảo vệ Hiến pháp ở nước ta không được giao cho một cơ quan chuyên trách mà tất cả các cơ quan trong bộ máy Nhà nước đều có nghĩa vụ bảo vệ Hiến pháp thì hiệu quả và hiệu lực không cao; không đề cao được trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp của Nhà nước và xã hội. Bảo vệ Hiến pháp theo cơ chế hiện hành chủ yếu dựa vào quyền giám sát tối cao của Quốc hội thì có sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp và quyền tài phán (tư pháp)” [14]. Đặc biệt, có một số nhà khoa học-luật gia Việt Nam đã thẳng thắn đưa ra sự đánh giá về thực trạng bảo vệ Hiến pháp ở nước ta mà chúng tôi đã trích dẫn trên đây (trong phần về thực trạng KSQL lập pháp của Việt Nam).

4.2. Sự nhận thức-khoa học thống nhất và biện chứng của việc hoàn thiện cơ chế KSQL nhà nước (nói chung) và KSQL lập pháp (nói riêng) bằng hoạt động KTrHP bởi nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án) trong giai đoạn xây dựng NNPQ ở

Việt Nam có thể được lý giải trên một số bình diện sau:

1) Thực tiễn lập hiến của Nhà nước ta từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay cho thấy, các Hiến pháp Việt Nam với tư cách là những đạo luật cơ bản của Nhà nước và có hiệu lực pháp lý cao nhất trong các thời kỳ khác nhau đều ghi nhận ở các mức độ khác nhau các quy phạm thuộc lĩnh vực tư pháp (như: các quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, được pháp luật bảo hộ về tính mạng sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân; việc bắt, giam giữ, truy tố và xét xử công dân phải theo tuân theo luật định; tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án và hệ thống Viện kiểm sát-VKS) - các điều 63-69 Hiến pháp năm 1946 [15]; Điều 27-29, 38 và các điều 97-108 Hiến pháp năm 1959 [16]; Điều 55, các điều 69-73, 77 và các điều 127-141 Hiến pháp năm 1980 [17]; các điều 71-74 và các điều 126-140 Hiến pháp năm 1992 [18].

2) Mặt khác, cả lý luận và thực tiễn về NNPQ hàng trăm năm qua, cũng như thực tiễn quốc tế hiện đại ở các nước văn minh và phát triển cao những năm cuối của thế kỷ XX-đầu thế kỷ XXI đã và đang khẳng định một chân lý khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục rằng: dù cho hoạt động của hệ thống tư pháp có tốt đến đâu nhưng nếu không có sự hiện diện của hoạt động KSQL nhà nước (kể cả KSQL lập pháp) với cơ chế KTrHP bằng nhánh QTP (Tòa án) để đảm bảo tính tối thượng của luật (mà trước hết là Hiến pháp với tư cách là đạo luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia), thì cũng không thể nói gì đến việc nâng cao hiệu quả của hoạt động đó, nhất là trong lĩnh vực tư pháp - lĩnh vực liên quan hàng đầu và thiết thực nhất đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, cũng như các quyền và tự do của con người và của công dân.

3) Vai trò quan trọng nhất của cơ chế KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án) chính là ở chỗ - nó sẽ là cơ chế hữu hiệu nhất để đảm bảo cho quyền lực Nhà nước là một thể thống nhất và thực sự dựa trên chủ quyền của nhân dân,

chứ không thể có nhánh quyền lực nào được phép tự cho mình là “cao nhất” hay “tối cao” - đứng trên các nhánh quyền lực kia. Bởi lẽ, cùng với việc thực thi cơ chế KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án) chúng ta sẽ xây dựng được một loạt các cơ chế pháp lý hữu hiệu để thực hiện sự kiểm soát quyền lực Nhà nước bằng một hệ thống Tòa án công minh, thực sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, cũng như sự chế ước-phối hợp với nhau giữa ba nhánh quyền lực trong NNPQ (QLP, QHP và QTP). Vì thực tiễn BVPL trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội ở Việt Nam những năm qua đã minh chứng một cách xác đáng rằng: không thực thi chế định KTrHP - chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu mà cho đến nay ở nước ta vẫn chưa thể khắc phục được thực trạng bức xúc đã và đang xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân khi một số Bộ, ngành ở TW và chính quyền ở các địa phương tùy tiện ban hành các văn bản trái pháp luật (hoặc vi hiến). Và hậu quả tiêu cực của việc triển khai thực hiện các văn bản này là - không chỉ gây thiệt hại cho các quyền và tự do hiến định của công dân, mà còn xâm phạm thô bạo pháp chế, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân và làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước.

4) Việc hoàn thiện cơ chế KSQL nhà nước (kể cả KSQL lập pháp) bằng hoạt động KTrHP bởi nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án) sẽ bảo đảm tính tối thượng của luật (mà trước hết là Hiến pháp) trong các lĩnh vực sinh hoạt của Nhà nước sẽ góp phần chống lại được sự độc đoán, tùy tiện và xâm hại đến sự bình đẳng và công lý, dân chủ và các quyền, tự do của công dân của từ phía một bộ phận các quan chức trong bộ máy công quyền). Vì một khi cơ quan tài phán về Hiến pháp được trao thẩm quyền sẽ tuyên bố vô hiệu đối với tất cả các văn bản luật và dưới luật vi hiến do bất kỳ cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế, lực lượng vũ trang hay bất kể người có chức vụ nào (kể cả chức vụ cao nhất) ban hành, cũng như những hành vi được thực hiện trên cơ sở các văn bản vi hiến đó.

5) Và như vậy, cơ chế KSQL nhà nước (kể cả KSQL lập pháp) bằng hoạt động KTrHP bởi nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án) rõ ràng là một nhu cầu bức thiết và kỳ vọng chính đáng của nhân dân lao động và toàn xã hội, là chức năng và nhiệm vụ của bộ máy quyền lực nhà nước ta nói chung và hệ thống tư pháp của đất nước nói riêng để bảo đảm tốt hiệu lực các quy định của Hiến pháp với tính chất là đạo luật cơ bản của Nhà nước có giá trị pháp lý cao nhất nên nếu như chiến lược CCTP đến năm 2020 ở Việt Nam được Nhà nước thực sự quan tâm và được tiến hành một cách tổng thể và toàn diện, đồng thời muốn nâng cao được hiệu quả của hệ thống tư pháp thì nên chăng chúng ta cần phải triển khai việc thực thi cơ chế đã nêu.

5. Mô hình lý luận về các KGLP với tên gọi của từng điều luật cụ thể của Dự thảo Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam” (trong tương lai)

Trên cơ sở tham khảo mô hình tổ chức Tòa án Hiến pháp (TAHP) của các nước Châu Âu (như: Áo, Hungari, CHLB Đức, Italia, Ba Lan, Rumana, Tursia, CH Séc và một số bang của Thụy Sĩ) [19], nghiên cứu so sánh một loạt các văn bản như: 12 Luật về TAHP của các nước thuộc Liên Xô cũ (trừ ba nước: Tuốc-mê-ni-a - không có TAHP, Kazaxtan - tổ chức Hội đồng bảo hiến thuộc nhánh quyền hành pháp do Tổng thống ra Pháp lệnh ban hành và, Extônia - tổ chức Viện bảo hiến thuộc Quốc hội để thực hiện hoạt động giám sát Hiến pháp) + 4 Quy chế về TAHP (của LB Nga, Belarux, Gruzia, Ukraina) + 2 Luật “Về thủ tục tố tụng Hiến pháp” (của Gruzia và Kurguxtan) + Bộ luật tố tụng Hiến pháp và Luật “Về các biện pháp bảo đảm vật chất cho sự độc lập của các Thẩm phán TAHP” của Môđavia + Luật “Về các bảo đảm xã hội cho các Thẩm phán TAHP” của Gruzia [20], đồng thời xuất phát từ thực tiễn tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, cũng như sự phát triển của các quan hệ xã hội trong giai đoạn xây dựng NNPQ và CCTP hiện nay và trong tương lai sau này, căn cứ vào các điều kiện

cụ thể về chính tri-pháp lí, kinh tế-xã hội, lịch sử-văn hóa ở nước ta, theo quan điểm của chúng tôi sẽ là hợp lí nếu như các điều khoản cụ thể của Dự thảo Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam” (trong tương lai) sẽ có cơ cấu gồm có **05** Phần và được phân chia thành **15** Chương với tổng số **100** điều theo MHLL của các KGLP đã được chúng tôi soạn thảo trong Phụ lục I ở cuối bài báo này.

6. Kết luận

Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về thực trạng của cơ chế KSQL lập pháp ở nước ta hiện nay và giải pháp hoàn thiện nó trong giai đoạn xây dựng NNQP Việt Nam cho phép đưa ra những kết luận như sau:

Một là, thực trạng KSQL lập pháp trong bộ máy công quyền của Việt Nam đã được phân tích trên ba bình diện (lập pháp, thực tiễn và lý luận) trên đây cho thấy, để góp phần cho thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp xây dựng một NNQP đích thực thì thực trạng đã nêu *cần phải được nhanh chóng khắc phục* và chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể tránh khỏi được những hệ lụy tất yếu với tư cách là quy luật khách quan (như đã phân tích trên đây). Vì rõ ràng là nếu như thực trạng đó vẫn tiếp tục bị kéo dài thì sẽ vô cùng rất bất lợi cho Việt Nam trong các quan hệ đối ngoại; bởi lẽ, chính trong đạo luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất chúng ta đã long trọng tuyên bố trước toàn thế giới (mặc dù sự thật là Việt Nam chưa phải là NNQP mà chúng ta mới chỉ đang ở trong giai đoạn xây dựng nó mà thôi) là “*Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...*” (khoản 1 Điều 2 Hiến pháp năm 1992) nên *cần phải có giải pháp thiết thực cụ thể* sao cho cộng đồng quốc tế khỏi đánh giá là cam kết của Việt Nam “*chỉ có tính chất tuyên ngôn trên giấy*” hoặc là “*lời nói không đi đôi với việc làm*” - chính là điều mà các nhà luật học Việt Nam cần phải cùng nhau suy ngẫm để đưa ra các kiến giải lập pháp (KGLP) cụ thể và cũng là vấn đề rất quan trọng

mà chúng ta phải khẩn trương triển khai ngay trong chiến lược cải cách tư pháp (CCTP) từ nay đến năm 2020.

Hai là, để hoàn thiện và xây dựng những căn cứ pháp lý cho hoạt động KSQL nhà nước (gồm cả kiểm soát QLP) theo cơ chế KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp (Tòa án), thì với tư cách là đạo luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 cần phải được sửa đổi-bổ sung, đồng thời Quốc hội cần ban hành Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam”.

Ba là, KTrHP bằng Tòa án trong NNQP với tư cách là cơ chế KSQL nhà nước đối với không chỉ nhánh QLP, mà còn đối với cả hai nhánh quyền lực còn lại - QHP và QTP là *hình thức bảo vệ Hiến pháp bằng nhánh quyền lực tư pháp*, là chức năng của cơ quan chuyên môn về xét xử (tài phán) và được thể hiện bằng hoạt động tố tụng tư pháp về Hiến pháp trong việc *kiểm tra tính hợp hiến của các VBPL* do tất cả các cơ quan (những người có chức vụ) trong bộ máy công quyền, tổ chức hoặc đơn vị lực lượng vũ trang ban hành, cũng như những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở văn bản vi hiến đã xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân, đồng thời xem xét và giải quyết những vấn đề khác đã nêu theo thẩm quyền do Hiến pháp và pháp luật quy định để đưa ra phán xét cuối cùng nhằm bảo đảm tính pháp chế cao nhất, tính tối thượng và hiệu quả trực tiếp của các quy phạm Hiến pháp trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của xã hội.

Bốn là, vấn đề thành lập TAHP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP hiện nay với tư cách là cơ quan chuyên môn để thực hiện chức năng KSQL nhà nước (gồm cả KSQL lập pháp) không chỉ xuất phát từ thực tiễn hoạt động của hệ thống quyền lực nhà nước Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay, là nguyện vọng tha thiết của các tầng lớp nhân dân ta về việc thực thi *cơ chế KTrHP bằng nhánh quyền tư pháp* với mục đích làm cho đạo luật cơ bản của Nhà nước được bảo vệ một cách hữu hiệu,

loại trừ tình trạng ban hành các VBPL vi hiến, những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở các văn bản đó, cũng như sự xâm phạm thô bạo các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân từ phía quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng thành công NN PQ và triển khai thắng lợi công cuộc CCTP ở nước ta.

Và cuối cùng, *năm là*, từ tất cả sự phân tích khoa học những vấn đề đã được nghiên cứu trong bài viết này, chúng tôi đã cố gắng soạn thảo MHLL về các KGLP với tên gọi của từng điều khoản cụ thể trong Dự thảo Luật “*Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam*” (trong tương lai) với cơ cấu gồm 05 Phần và được phân chia thành 15 Chương với tổng số 100 điều (Xem cụ thể hơn: Toàn văn tên gọi của từng Phần, Chương và Điều, cũng như MHLL về nội dung cụ thể của các KGLP đối với sáu điều đầu tiên thuộc các chương I, II và III trong Dự thảo Luật đã nêu tại Phụ lục I và Phụ lục II dưới đây).

PHỤ LỤC I

Mô hình lý luận về các kiến giải lập pháp với tên gọi của từng điều cụ thể trong Dự thảo Luật “*Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam*” (trong tương lai)

“**1. Phần thứ nhất** “*Các quy định về tổ chức-hoạt động của TAHP Việt Nam*” được phân chia thành bốn (04) Chương với 24 điều là:

1) Chương I “*Về vị trí, cơ sở pháp lý và nhiệm vụ của TAHP Việt Nam*” gồm 03 điều (Điều 1. Vị trí của Tòa án Hiến pháp; Điều 2. Cơ sở pháp lý của việc tổ chức-hoạt động, của việc ghi nhận các thẩm quyền và các đặc điểm tổ tụng của TAHP và; Điều 3. Nhiệm vụ của TAHP).

2) Chương II “*Về các thẩm quyền và bảo đảm cho hoạt động của TAHP Việt Nam*” gồm 02 điều (Điều 4. Các thẩm quyền của TAHP và; Điều 5. Các bảo đảm cho hoạt động của TAHP).

3) Chương III “*Về địa vị pháp lý của thẩm phán TAHP Việt Nam*” gồm 12 điều (Điều 6. Các tiêu chuẩn của Thẩm phán TAHP; Điều 7. Quy trình bổ nhiệm Thẩm phán TAHP; Điều 8.

Những hạn chế đối với Thẩm phán TAHP; Điều 9. Các bảo đảm cho sự độc lập của Thẩm phán TAHP; Điều 10. Sự bất khả xâm phạm đối với Thẩm phán TAHP; Điều 11. Sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các Thẩm phán TAHP; Điều 12. Tuyên thệ của Thẩm phán TAHP; Điều 13. Nhiệm kỳ giữ chức vụ Thẩm phán TAHP; Điều 14. Tạm đình chỉ chức vụ Thẩm phán TAHP; Điều 15. Chấm dứt giữ chức vụ Thẩm phán TAHP; Điều 16. Thôi giữ chức vụ của Thẩm phán TAHP và Điều 17. Nghỉ hưu của Thẩm phán TAHP).

4) Chương IV “*Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của TAHP Việt Nam*” gồm có 07 điều (Điều 18. Các Tòa chuyên trách của TAHP; Điều 19. Bộ máy giúp việc của TAHP; Điều 20. Những vấn đề được xem xét và giải quyết tại các phiên họp toàn thể của TAHP; Điều 21. Những vấn đề được xem xét và giải quyết tại các phiên họp của Tòa chuyên trách; Điều 22. Chức năng, quyền hạn của Chánh án, Phó chánh án và Thẩm phán-Thư kí TAHP; Điều 23. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức-hoạt động của TAHP và; Điều 24. Trình tự thông qua nội dung cơ bản của Quy chế về TAHP).

2. Phần thứ hai “*Các quy định chung về thủ tục tố tụng ở TAHP Việt Nam*” được phân chia thành năm (05) Chương với 50 điều là

1) Chương V “*Những nguyên tắc cơ bản của tố tụng về Hiến pháp*” gồm có 09 điều (Điều 25. Nguyên tắc pháp chế của tố tụng về Hiến pháp; Điều 26. Nguyên tắc độc lập của tố tụng về Hiến pháp; Điều 27. Nguyên tắc tập thể của tố tụng về Hiến pháp; Điều 28. Nguyên tắc công khai của tố tụng về Hiến pháp; Điều 29. Nguyên tắc xét xử liên tục của tố tụng về Hiến pháp; Điều 30. Nguyên tắc xét xử bằng miệng của tố tụng về Hiến pháp; Điều 31. Nguyên tắc tranh tụng của tố tụng về Hiến pháp; Điều 32. Nguyên tắc bình đẳng của các bên trong tố tụng về Hiến pháp và; Điều 33. Nguyên tắc bảo đảm quyền sử dụng ngôn ngữ của những người tham gia trong tố tụng về Hiến pháp).

2) Chương VI “*Quy trình tiếp nhận và phân loại đơn thư gửi đến TAHP Việt Nam*” gồm có

03 điều (Điều 34. Lí do và căn cứ để xem xét vụ việc ở TAHP; Điều 35. Những yêu cầu chung đối với đơn thư gửi đến TAHP và; Điều 36. Phân loại của Ban thư kí các đơn thư gửi đến TAHP).

3) Chương VII “*Xem xét sơ bộ đơn thư gửi đến TAHP Việt Nam*” gồm có 04 điều (Điều 37. Nghiên cứu sơ bộ đơn thư của Thẩm phán TAHP; Điều 38. Tiếp nhận đơn thư để xem xét; Điều 39. Từ chối tiếp nhận đơn thư để xem xét và; Điều 40. Rút lại đơn thư).

4) Chương VIII “*Thủ tục tố tụng chung của việc xem xét các vụ việc ở TAHP Việt Nam*” gồm có 22 điều (Điều 41. Triệu tập phiên họp toàn thể của TAHP và phiên họp của Tòa chuyên trách; Điều 42. Trình tự xem xét các vấn đề tại phiên họp toàn thể của TAHP và phiên họp của Tòa chuyên trách; Điều 43. Quyết định đưa vụ việc ra xem xét; Điều 44. Hợp nhất vụ việc; Điều 45. Chuẩn bị xem xét vụ việc; Điều 46. Gửi các tài liệu và thông báo về lịch của các phiên họp; Điều 47. Những người tham gia tố tụng về Hiến pháp; Điều 48. Các bên tham gia tố tụng về Hiến pháp và người đại diện của họ; Điều 49. Những trường hợp Thẩm phán TAHP không được tham gia xem xét vụ việc; Điều 50. Khai mạc phiên tòa; Điều 51. Ghi biên bản; Điều 52. Trật tự phiên tòa; Điều 53. Trình tự nghiên cứu các vấn đề và các tài liệu tại phiên tòa; Điều 54. Trình bày của các bên; Điều 55. Lời khai của nhân chứng; Điều 56. Kết luận của giám định viên; Điều 57. Phát biểu kết luận của các bên; Điều 58. Hoãn phiên tòa; Điều 59. Trở lại xem xét vấn đề; Điều 60. Những trường hợp đình chỉ tố tụng vụ việc về Hiến pháp; Điều 61. Kết thúc xem xét vụ việc tại phiên tòa; Điều 62. Nghị án để thông qua phán quyết đối với vụ việc).

5) Chương IX “*Các phán quyết của TAHP Việt Nam*” gồm có 12 điều (Điều 63. Các loại phán quyết của TAHP; Điều 64. Trình tự thông qua phán quyết của TAHP; Điều 65. Những yêu cầu đối với các phán quyết của TAHP; Điều 66. Những thông tin cần phải được ghi trong phán quyết của TAHP; Điều 67. Bảo lưu ý kiến riêng của Thẩm phán TAHP; Điều 68. Hiệu lực pháp lý của phán quyết do TAHP Việt Nam tuyên;

Điều 69. Tuyên phán quyết của TAHP; Điều 70. Sửa chữa những điểm chưa chính xác trong phán quyết của TAHP; Điều 71. Công bố phán quyết của TAHP; Điều 72. Giải thích phán quyết của TAHP; Điều 73. Thời hạn thi hành phán quyết của TAHP; Điều 74. Hậu quả của việc không thi hành, thi hành không đúng hoặc cản trở việc thi hành phán quyết của TAHP).

3. Phần thứ ba “*Các quy định về các đặc điểm tố tụng đối với từng loại vụ việc thuộc thẩm quyền của TAHP Việt Nam*” được phân chia thành 01 điều riêng không thuộc Chương nào (Điều 75. Phân loại những vụ việc thuộc thẩm quyền tố tụng của TAHP) + năm (06) Chương với 20 điều là:

1) Chương X “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản quy phạm pháp luật*” gồm 04 điều (Điều 76. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức chất vấn; Điều 77. Điều kiện để chất vấn được TAHP chấp nhận; Điều 78. Phạm vi kiểm tra tính hợp hiến của văn bản QPPL bị chất vấn và; Điều 79. Phán quyết đối với vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của văn bản QPPL bị chất vấn).

2) Chương XI “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của các quy định bị khiếu nại là xâm phạm đến các quyền tự do hiến định của công dân*” gồm 04 điều (Điều 80. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức khiếu nại; Điều 81. Điều kiện để khiếu nại được TAHP chấp nhận; Điều 82. Phạm vi kiểm tra tính hợp hiến của quy định bị khiếu nại và; Điều 83. Phán quyết đối với vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của quy định bị khiếu nại).

3) Chương XII “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc giải quyết tranh chấp về phân định thẩm quyền*” gồm 04 điều (Điều 84. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức đề nghị; Điều 85. Điều kiện để đề nghị được TAHP chấp nhận; Điều 86. Phạm vi kiểm tra tính hợp hiến của tranh chấp được đề nghị giải quyết và; Điều 87. Phán quyết đối với vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của tranh chấp được đề nghị giải quyết).

4) Chương XIII “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về giải thích Hiến pháp*, cũng

như các văn bản pháp luật quốc tế khi có mâu thuẫn với các văn bản pháp luật quốc gia” gồm 04 điều (Điều 88. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức chất vấn; Điều 89. Điều kiện để chất vấn được TAHP chấp nhận; Điều 90. Phạm vi giải thích nội dung được chất vấn và; Điều 91. Phán quyết đối với vụ việc về giải thích nội dung được chất vấn).

5) Chương XIV “Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về sự tuân thủ trình tự do luật định trong việc khởi tố vụ án hình sự, đưa ra cáo trạng hoặc bản án đối với những người có chức vụ cao nhất trong Ban lãnh đạo của đất nước” gồm 04 điều (Điều 92. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức chất vấn; Điều 93. Điều kiện để chất vấn được TAHP chấp nhận; Điều 94. Trình tự gửi chất vấn đến TAHP và; Điều 95. Phán quyết của TAHP).

4. Phần thứ tư và là một Chương XV “*Các quy định về án bản, con dấu, biểu tượng quyền tư pháp và trụ sở của TAHP Việt Nam*” gồm 04 điều (Điều 96. Án bản chính thức của TAHP; Điều 97. Con dấu của TAHP; Điều 98. Biểu tượng quyền tư pháp của TAHP và; Điều 99. Trụ sở làm việc của TAHP).

5. Và cuối cùng, Phần thứ năm “*Quy định về hiệu lực thi hành Luật này*” không phân chia thành Chương mà chỉ gồm 01 điều (Điều 100. Hiệu lực thi hành của Luật này)”.

PHU LỤC II

Mô hình lý luận mẫu về nội dung cụ thể của các KGLP về sáu điều đầu tiên (1-6) thuộc ba chương (I, II và III) trong Dự thảo Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam” (trương lai)

Phần thứ nhất: Các quy định về tổ chức - hoạt động của Tòa án Hiến pháp Việt Nam

Chương I

VỊ TRÍ, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TÒA ÁN HIẾN PHÁP VIỆT NAM

(Gồm 3 điều luật)

Điều 1. Vị trí của Tòa án Hiến pháp Việt Nam

Tòa án Hiến pháp (TAHP) Việt Nam là cơ quan kiểm tra Hiến pháp (KTrHP) cao nhất trong bộ máy quyền lực Nhà nước Việt Nam, độc lập thực hiện quyền tư pháp bằng hoạt động tố tụng về Hiến pháp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền do Hiến pháp và Luật này quy định.

Điều 2. Cơ sở pháp lý của việc tổ chức- hoạt động, của các thẩm quyền và của các đặc điểm tố tụng của Tòa án Hiến pháp Việt Nam

1. Những cơ sở pháp lý của việc tổ chức- hoạt động, của các thẩm quyền và của các đặc điểm tố tụng của Tòa án Hiến pháp Việt Nam do Hiến pháp và Luật này quy định.

2. Trong khi thực hiện hoạt động tố tụng về Hiến pháp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án Hiến pháp Việt Nam có quyền viện dẫn trực tiếp các quy định của Hiến pháp với tư cách là Luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất, của Luật này, cũng như của các văn bản Luật và dưới Luật tương ứng khác.

Điều 3. Nhiệm vụ của Tòa án Hiến pháp Việt Nam

1. Nhiệm vụ của Tòa án Hiến pháp Việt Nam là:

a) Bảo vệ sự tối thượng, tính pháp chế và hiệu lực trực tiếp của Hiến pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam với tư cách là Luật cơ bản của nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia;

b) Bảo vệ các quyền và tự do của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác;

c) Bảo vệ các lĩnh vực khác của trật tự pháp luật;

d) Đấu tranh phòng và chống các vi phạm Hiến pháp;

đ) Góp phần giáo dục công dân và cộng đồng ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống hàng ngày.

2. Để thực hiện những nhiệm vụ trên đây và nhằm bảo đảm cho sự độc lập của Tòa án Hiến

pháp trong hoạt động kiểm tra Hiến pháp, bên cạnh các quy định của Hiến pháp, Luật này quy định những vấn đề liên quan đến tổ chức- hoạt động, trình tự-thủ tục tố tụng về Hiến pháp và các đặc điểm tố tụng đối với từng loại vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp Việt Nam.

Chương II

CÁC THẨM QUYỀN VÀ BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA TÒA ÁN HIẾN PHÁP VIỆT NAM

(Gồm 2 điều)

Điều 4. Các thẩm quyền của Tòa án Hiến pháp Việt Nam

1. Tòa án Hiến pháp Việt Nam có thẩm quyền kiểm tra để xem xét và đưa ra phán quyết (quyết định hoặc kết luận) đối với những vụ việc về tính hợp hiến của tất cả các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) sau đây:

a) Các Bộ luật, Luật và Nghị quyết do Quốc hội ban hành, cũng như các Pháp lệnh và Nghị quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành;

b) Các Lệnh và Quyết định do Chủ tịch nước ban hành;

c) Các Nghị định do Chính phủ ban hành và các Quyết định do Thủ tướng ban hành, cũng như các Thông tư do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và các Quyết định do Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành;

d) Các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, các Thông tư do Chánh án TANDTC hoặc Viện Trưởng VKSNDTC ban hành;

đ) Các văn bản QPPL do các cơ quan chính quyền địa phương ban hành;

e) Các văn bản dưới Luật do lãnh đạo cấp TW của các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội-ngề nghiệp, đơn vị kinh tế hay lực lượng vũ trang nhân dân ban hành;

f) Bất kỳ văn bản nào do các chủ thể nêu tại các điểm từ “a” đến “e” khoản 1 Điều này tự mình (hoặc phối hợp) ban hành;

g) Các Hiệp ước quốc tế, cũng như các văn bản dưới Luật khác do người có chức vụ cao cấp nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam kí kết với nước ngoài nhưng chưa có hiệu lực pháp lý;

h) Các điều (khoản) luật đã (hoặc phải) được áp dụng trong trường hợp cụ thể trên cơ sở đề nghị của Tòa án hoặc cơ quan áp dụng điều (khoản) luật tương ứng;

2. Tòa án Hiến pháp Việt Nam có thẩm quyền kiểm tra để xem xét và đưa ra phán quyết (quyết định hoặc kết luận) đối với quy định trong bất kỳ văn bản QPPL nào đã (hoặc phải) được áp dụng trong trường hợp cụ thể mà bị khiếu nại là xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân.

3. Tòa án Hiến pháp Việt Nam có thẩm quyền giải quyết những vụ việc tranh chấp về phân định thẩm quyền giữa:

a) Các cơ quan nhà nước ở Trung ương (TW);

b) Các cơ quan nhà nước ở TW với các cơ quan chính quyền địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

4. Tòa án Hiến pháp Việt Nam có thẩm quyền giải thích Hiến pháp và các Luật của Việt Nam, cũng như các văn bản pháp luật quốc tế khi có mâu thuẫn với các văn bản pháp luật quốc gia.

5. Tòa án Hiến pháp Việt Nam có thẩm quyền xem xét và đưa ra kết luận về việc tuân thủ đúng (hay không) trình tự do luật định trong việc khởi tố vụ án hình sự, đưa ra cáo trạng hoặc bản án đối với những người có chức vụ cao nhất trong Ban lãnh đạo của đất nước.

6. Tòa án Hiến pháp Việt Nam có thẩm quyền đưa ra sáng kiến lập pháp đối với những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực tổ chức- hoạt động và tố tụng thuộc thẩm quyền của mình.

7. Tòa án Hiến pháp Việt Nam chỉ giải quyết các vấn đề mang tính pháp lý và có thể thực hiện các thẩm quyền khác theo quy định của Hiến pháp hoặc của Luật này.

8. Đối với các vấn đề thuộc tổ chức- hoạt động nội bộ thì Tòa án Hiến pháp Việt Nam tự

mình thông qua Quy chế nhưng không được trái với Hiến pháp và Luật này.

Điều 5. Các bảo đảm cho hoạt động của Tòa án Hiến pháp Việt Nam

1. Hoạt động của Tòa án Hiến pháp Việt Nam không bị phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào và được bảo đảm bằng sự độc lập về mặt tổ chức-cán bộ, thông tin-xuất bản, chi tiêu tài chính và sử dụng các phương tiện vật chất-kỹ thuật của Nhà nước trong việc thực thi công vụ.

2. Phán quyết (quyết định hoặc kết luận) về vụ việc thuộc thẩm quyền xem xét và giải quyết của Tòa án Hiến pháp Việt Nam được coi là chung thẩm đối với vụ việc tương ứng, có hiệu lực pháp lý cao nhất và bắt buộc đối với tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị kinh tế, lực lượng vũ trang nhân dân, người có chức vụ và công dân, cũng như bất kỳ pháp nhân hoặc thể nhân nào khác.

3. Bất kỳ sự can thiệp nào (bằng hành vi hoặc bất tác vi) nhằm hạn chế sự độc lập về mặt tổ chức-cán bộ, thông tin-xuất bản, chi tiêu tài chính, sử dụng các phương tiện vật chất-kỹ thuật của nhà nước hay những điều kiện khác đối với hoạt động của Tòa án Hiến pháp Việt Nam trong việc thực thi công vụ hoặc nhằm tác động (gây ảnh hưởng) đến việc đưa ra phán quyết của Tòa án Hiến pháp Việt Nam đều bị nghiêm cấm và xử lý theo luật định.

Chương III

VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN TÒA ÁN HIẾN PHÁP VIỆT NAM

(Gồm 12 điều luật)

Điều 6. Các tiêu chuẩn của Thẩm phán Tòa án Hiến pháp Việt Nam

Công dân Việt Nam trong độ tuổi không dưới bốn mươi (40) tính đến ngày được bổ nhiệm, trung thành với Tổ quốc và nhân dân Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng tốt

nghiệp Đại học Luật chính quy trở lên, có thâm niên công tác trên 10 năm trong ngành-nghề liên quan đến pháp luật, được luật học của đất nước thừa nhận chung trong giới là có trình độ nghề nghiệp cao và trình độ chuyên môn giỏi về luật học, có thể được bổ nhiệm làm Thẩm phán TAHP Việt Nam”./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [2] Đào Trí Úc, Nguyễn Như Phát (Đồng chủ biên), *Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam* (Sách chuyên khảo), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2007.
- [3] Trần Ngọc Đường, *Bàn về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tài phán Hiến pháp ở Việt Nam*, Trong sách đã dẫn: *Tài phán Hiến pháp và vấn đề...*, tr. 186 và 190.
- [4] Nguyễn Đăng Dung, *Tài phán Hiến pháp ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay*, Trong sách đã dẫn: *Tài phán Hiến pháp và vấn đề...*, tr. 195.
- [5] Bùi Xuân Đức, *Bàn về mô hình bảo vệ Hiến pháp ở Việt Nam: Sự cần thiết xác lập cơ chế tài phán Hiến pháp*, Trong sách đã dẫn: *Tài phán Hiến pháp và vấn đề...*, tr. 209-210.
- [6] Thái Vĩnh Thắng, *Nhu cầu bảo hiến pháp và mô hình cơ quan bảo hiến phù hợp với Việt Nam*, Trong *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5 (2009) 3.
- [7] Lê Minh Thông, *Quyền giám sát tối cao của Quốc hội-Lịch sử phát triển và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay*, Trong sách đã dẫn: *Giám sát và hoạt động giám sát...*, tr.178.
- [8] Lê Minh Thông, *Quyền giám sát tối cao của Quốc hội-Lịch sử phát triển và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay*, Trong sách đã dẫn: *Giám sát và hoạt động giám sát...*, tr.179.
- [9] Xem: Ví dụ như: **Trirkín V.E.** Luật Hiến pháp của các nước ngoài, NXB Luật gia, Maxcova, 1997 (tiếng Nga); Hiến pháp của các nước ngoài (Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Hilạp, Đức, Nhật Bản, Canada), In lần thứ 2 có sửa chữa và bổ sung, NXB Bek, Maxcova, 1997 (tiếng Nga); Hiến pháp của các nước ngoài Đông Âu, Tập bài giảng và tra cứu, NXB Norma-Infra.

- Maxcova, 1996 (tiếng Nga); *Ézeev. B.X.* Hiến pháp-Nhà nước pháp quyền-Tòa án Hiến pháp. (Tập bài giảng đã dẫn); *Baglai M.V.* Luật Hiến pháp Liên bang Nga, Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học, NXB Norma-Infra, Maxcova, 1998 (tiếng Nga); *Mikhailieva H.V.* Luật Hiến pháp của các nước thuộc SNG, Tập bài giảng NXB Luật gia, Maxcova, 1998 (tiếng Nga); *Sulzenkô Iu.L.* Trích giảng Luật Hiến pháp Liên bang Nga, Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện HLKH Nga, NXB Luật gia, Maxcova, 1997 (tiếng Nga); Tư pháp về Hiến pháp ở các nước SNG và Bantích. Tập các văn bản quy phạm (Chủ biên *M.A.Mitriukôv*), NXB Zertxalô.Maxcova, 1998 (tiếng Nga); *GS.TSKH Đào Trí Úc, PGS.TS Nguyễn Như Phát* (Đồng chủ biên), Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2007; v.v...
- [10] Xem: Các nguồn tài liệu đã dẫn ở chú thích số (9) trên đây, đồng thời xem cụ thể hơn: *V.N.Vitoruk.* Hoạt động tư pháp về Hiến pháp, Luật hiến pháp về tư pháp và tố tụng, Tập bài giảng dành cho các Trường đại học, NXB Đạo luật và Pháp quyền. Maxcova, 1998, tr. 30 (tiếng Nga); Hệ thống Tòa án của các nước Châu Âu, Sách tra cứu (Bản dịch từ tiếng Pháp của *Đ.I.Vaxiliev* và từ tiếng Anh của *O.Iu.Kobiakôv*), NXB Quan hệ quốc tế, Maxcova, 2002 (tiếng Nga); Văn phòng Quốc hội Việt Nam và Văn phòng Dự án Hỗ trợ cải cách tư pháp của Đan Mạch (JOPSO), Kỹ yếu Hội thảo Quốc tế về bảo hiến (TP.Hồ Chí Minh, 12-13/3/2009), NXB Thời đại, Hà Nội, 2009; v.v...
- [11] Xem: *V.N.Vitoruk.* Hoạt động tư pháp về Hiến pháp, Luật hiến pháp về tư pháp và tố tụng, Tập bài giảng dành cho các Trường đại học, NXB Đạo luật và Pháp quyền, Maxcova, 1998, tr. 30 (tiếng Nga).
- [12] Xem cụ thể hơn: *Hệ thống Tòa án của các nước Châu Âu*, Sách tra cứu (Bản dịch từ tiếng Pháp của *Đ.I.Vaxiliev* và từ tiếng Anh của *O.Iu.Kobiakôv*), NXB Quan hệ quốc tế, Maxcova, 2002, các tr. 21, 68-69, 73-74, 141, 158-160, 179, 211-212, 233, 256-259, 309-310, (tiếng Nga).
- [13] Xem cụ thể hơn: Tư pháp về Hiến pháp ở các nước SNG và Bantích. Tập các văn bản quy phạm (Chủ biên *M.A.Mitriukôv*). NXB Zertxalô.Maxcova, 1998- 800 tr. (tiếng Nga).
- [14] Hồng Chanh, Tìm cơ chế bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, Trong Bản tin "Luật sư ngày nay" (Bản tin của Đoàn Luật sư Hà Nội), số 6 (2005) 5.
- [15] Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946, Trong sách: Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [16] Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1959, Trong sách: Hiến pháp Việt Nam... (Sách đã dẫn), tr.39-40, 42, 61-64.
- [17] Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, Trong sách: Hiến pháp Việt Nam... (Sách đã dẫn), tr.94, 99-101, 126-131.
- [18] Xem cụ thể hơn: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [19] Xem cụ thể hơn: *Hệ thống Tòa án của các nước Châu Âu*, Sách tra cứu (Bản dịch từ tiếng Pháp của *Đ.I.Vaxiliev* và từ tiếng Anh của *O.Iu.Kobiakôv*), NXB Quan hệ Quốc tế, Maxcova, 2002, các tr. 21, 68-69, 73-74, 141, 158-160, 179, 211-212, 233, 256-259, 309-310, (tiếng Nga).
- [20] Xem cụ thể hơn: *Tư pháp về Hiến pháp ở các nước SNG và Bantích*, Tập các văn bản quy phạm (Chủ biên *M.A.Mitriukôv*), NXB Zertxalô.Maxcova, 1998 (tiếng Nga).

Supervision of Legislative power: Current mechanism and solutions for improvement in the Stage of building the rule of Law State in Vietnam

Le Van Cam¹, Duong Ba Thanh²

¹*School of Law, Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Institute for Politics Studies under Ho Chi Minh, National Political-Administrative Academy*

In the current stage of building a genuine rule of law state of the people, by the people and for the people in Vietnam, examining theoretical and practical aspects of mechanism of supervising legislative power by which proposing solutions to improve this mechanism with specific theoretical model and legislative interpretation has great social-legal and scientific-practical significance. Unfortunately, so far in Vietnam, there has not any legal research focused on this topic. Our study is therefore timely and needed.